TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 304/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 182/2026/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1972, CCCD: 049172005594. Địa chỉ: Khối phố T, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Bá H1, Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông Trần D, sinh năm 1969, CMND số: 205196297. Địa chỉ: Khối phố T, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị T, sinh năm 1947. Địa chỉ: Nhà số F, đường số C, khối phố T, phường Đ, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Nội dung thỏa thuận của các đương mặt có tại phiên hòa giải vào ngày 21/5/2026 không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Trần D.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trần D tự nguyện ly hôn.

2.2.Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Trần D có bốn con chung: Trần Thị P, sinh ngày 04/5/1990; Trần Thị B, sinh ngày 02/6/1992; Trần C, sinh ngày 16/12/1994 và Trần Thị T1, sinh ngày 06/02/2004. Các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Lê Thị H và ông Trần D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Lê Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 18.300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp; hoàn lại cho bà Lê Thị H số tiền còn thừa là 18.150.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003017 ngày 01/4/2026 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà nẵng;
- VKSND khu vực 10 - Đà Nẵng;
- THADS - TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- UBND phường Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Phúc

TAND KHU VỰC 10

YYQ280526.TL.QDBA 1028